

Bản án số: 35/2017/HSST

Ngày: 11/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn.

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 29/2017/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2017, đối với bị cáo:

Lê Đông H, sinh năm 1997 tại Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh K; chỗ ở hiện nay: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh K; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Lê Văn H1 và bà Bùi Bích L; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/3/2017 đến ngày 05/4/2017 chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Chị Nguyễn Kim H3 (tên thường gọi là Tr), sinh năm: 24/11/1999; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K; có mặt.

2.2. Ông Lê Văn H1, sinh năm: 1975; Trú tại: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh K; có mặt.

3. Người làm chứng: Bà Thái Thị R, sinh năm: 1966; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K; vắng mặt.

4. Người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Minh H4 là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Minh H, thuộc đoàn luật sư tỉnh K; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ, ngày 26 tháng 3 năm 2017, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng phối hợp với Công an xã Thạnh Hưng tiến hành kiểm tra nhà trọ M, thuộc ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K. Tại phòng số 7 của nhà trọ có Lê Đông H, sinh năm 1997, ngụ Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang và Nguyễn Kim H2 (tên thường gọi là Tr), sinh năm 1999, ngụ ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K. Qua kiểm tra các đồ vật và bắt quả tang Lê Đông H đã tàng trữ 06 (sáu) bịch ma túy đá, loại Methamphetamine, với tổng trọng lượng là 6,8390 gam và một số dụng cụ dùng để phục vụ cho việc sử dụng chất ma túy.

Vật chứng trong vụ án thu giữ được bao gồm:

- Mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong bì thư, màu trắng ký hiệu vụ số: 163/2017, ngày 30/3/2017, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hoàng N, người chứng kiến Bùi Thanh S và hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang;

- Tiền Việt Nam: 11.700.000 đồng (mười một triệu bảy trăm ngàn đồng), gồm các mệnh giá: 18 (mười tám) tờ giấy bạc polyme mệnh giá 500.000 đồng; 15 (mười lăm) tờ giấy bạc polyme mệnh giá 100.000 đồng; 03 (ba) tờ giấy bạc polyme mệnh giá 200.000 đồng; 12 (mười hai) tờ giấy bạc polyme mệnh giá 50.000 đồng;

- 01 (một) hộp chữ nhật màu trắng; 01 (một) túi màu trắng có hoa văn màu xanh, trên túi có chữ “VNPT” màu xanh;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5, màu vàng, FCCID: BCG - E2599A, IC: 579C - E2599A, số IMEI: 358756053350661, đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng hoạt động;

- 02 (hai) cây kéo bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) chai nhựa nắp đỏ có gắn một chiếc nỏ thủy tinh dùng để sử dụng chất ma túy; 01 (một) ống hít nhựa màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) bật lửa (quẹt gas) dùng để đốt chất ma túy đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây cân tiểu ly, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số: 163/KL-KTHS ngày 29/3/2017 của Phòng Kỹ Thuật Hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đã kết luận: Các hạt tinh thể rắn màu trắng, trong suốt chứa bên trong 06 (sáu) bịch nylon hàn kín hai đầu được niêm phong gửi giám định, là chất ma túy, loại Methamphetamine, trọng lượng mẫu gửi giám định là 6,8390 gam (*Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ*). Mẫu vật còn lại sau giám định có trọng lượng 6,4933 gam.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy đối với Lê Đông H.

Tại bản cáo trạng số 33/KSĐT - MT ngày 27/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng đã truy tố bị cáo H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Kiểm sát viên luận tội căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Đông H từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù.

Về vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Áp dụng Điều 41, 42 của Bộ luật Hình sự tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5, màu vàng, FCCID: BCG - E2599A, IC: 579C - E2599A, số IMEI: 358756053350661, đã qua sử dụng; 01 (một) cây cân tiểu ly đã qua sử dụng. Ghi nhận việc Cơ quan Điều tra đã trả lại tiền Việt Nam: 11.700.000 đồng (mười một triệu bảy trăm ngàn đồng), cho ông Lê Văn H1 do không liên quan đến vụ án.

- Áp dụng Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 bì thư ký hiệu vụ số 163/2017 ngày 30/3/2017, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hoàng N, người chứng kiến Bùi Thanh S và hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang; 02 (hai) cây kéo bằng kim loại, màu trắng; 01 (một) chai nhựa nắp đỏ có gắn một chiếc nõ thủy tinh dùng để sử dụng chất ma túy; 01 (một) ống hít nhựa màu đen; 01 (một) bật lửa (quẹt gas); 01 (một) hộp chữ nhật màu trắng; 01 (một) túi màu trắng có hoa văn màu xanh, trên túi có chữ “VNPT” màu xanh do không còn giá trị sử dụng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa trình bày: Thống nhất nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, căn cứ theo Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 thì Tòa án phải bảo đảm áp dụng đúng các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015. Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015 thì người nào có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Mặt khác, mục đích bị cáo tàng trữ ma túy là để sử dụng chứ không

nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy. Do đó, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo ở mức đầu khung theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 là 01 năm tù.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm quay về giúp ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Riềng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Ngày 26 tháng 3 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng phối hợp với Công an xã Thanh Hưng tiến hành kiểm tra nhà trọ Minh Phước bắt quả tang Lê Đông H tàng trữ 06 (sáu) bịch ma túy đá, loại Methamphetamine, với tổng trọng lượng là 6,8390 gam. Quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận mua ma túy của một đối tượng tên Bé Ph (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ), mục đích tàng trữ ma túy là để sử dụng. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại thời điểm phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, làm ảnh hưởng tới trật tự trị an, an toàn trong xã hội; đồng thời, còn tiếp tay, tạo điều kiện cho những kẻ chuyên buôn bán các chất ma túy tồn tại và phát triển gây ảnh hưởng đến đời sống kinh tế và sức khỏe của cộng đồng.

Tại tiểu mục 3.1 mục 3 phần II của Thông tư liên tịch số 17/2007/ TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Tòa án nhân dân Tối cao – Bộ Tư pháp quy định: “*“Tàng trữ trái phép chất ma túy” là cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma túy ở bất cứ nơi nào (như trong nhà, ngoài vườn, chôn dưới đất, để trong vali, cho vào thùng xăng xe, cất giấu trong quần áo, tư trang mặc trên người hoặc theo người...) mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy. Thời gian tàng trữ dài hay ngắn không ảnh hưởng đến việc xác định tội này.*”. Theo

quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự thì: “*Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm*”. Như vậy, hành vi tàng trữ chất ma túy có trọng lượng sau giám định 6,4933 gam nhằm mục đích sử dụng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét yêu cầu của người bào chữa cho bị cáo, Luật sư bào chữa đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết có lợi theo hướng dẫn tại Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân Tối cao là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tội phạm mà bị cáo thực hiện là tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, tác động xấu đến trật tự, trị an xã hội nên cần được nghiêm trị. Mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo cũng nằm trong khung hình phạt đối với tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015 nên không trái với hướng dẫn tại Công văn số 276/TANDTC-PC. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu áp dụng mức hình phạt 01 năm tù cho bị cáo theo đề nghị của Luật sư bào chữa.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo đã bị xử phạt hình chính về hành vi sử dụng trái chất ma túy vào năm 2015, đến năm 2017 lại tiếp tục sử dụng và tàng trữ trái phép chất ma túy thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương ứng với hành vi của bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm*.”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo bị nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, chưa có vợ con, còn sống chung với gia đình, không có tài sản. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Tiền Việt Nam 11.700.000 đồng (mười một triệu bảy trăm ngàn đồng) không liên quan đến vụ án nên việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng trả cho ông Lê Văn H1 (cha của bị cáo) là phù hợp với quy định tại Điều 42 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự nên HĐXX ghi nhận.

Áp dụng Điều 41, 42 của Bộ luật Hình sự tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5, màu vàng, FCCID: BCG - E2599A, IC: 579C - E2599A, số IMEI: 358756053350661, đã qua sử dụng; 01 (một) cây cân tiểu ly đã qua sử dụng.

Áp dụng Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 bì thư ký hiệu vụ số 163/2017 ngày 30/3/2017, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hoàng Nam, người chứng kiến Bùi Thanh Sang và hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang; 02 (hai) cây kéo bằng kim loại, màu trắng; 01 (một) chai nhựa nắp đỏ có gắn một chiếc nõ thủy tinh dùng để sử dụng chất ma túy; 01 (một) ống hít nhựa màu đen; 01 (một) bật lửa (quẹt gas); 01 (một) hộp chữ nhật màu trắng; 01 (một) túi màu trắng có hoa văn màu xanh, trên túi có chữ “VNPT” màu xanh do không còn giá trị sử dụng.

Đối với Nguyễn Kim H2 là người cùng sử dụng chất ma túy với bị cáo H, xét thấy hành vi không cấu thành tội phạm nên chuyển sang xử lý hành chính là đủ nghiêm.

Riêng đối tượng tên Bé Ph là người trực tiếp bán ma túy cho bị cáo H, hiện tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng chưa xác minh được lai lịch và địa chỉ cụ thể nên chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Về án phí: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố bị cáo Lê Đông H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Lê Đông H 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng đã trả số tiền là 11.700.000 đồng (mười một triệu bảy trăm ngàn đồng) cho ông Lê Văn H1.

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5, màu vàng, FCCID: BCG - E2599A, IC: 579C - E2599A, số IMEI: 358756053350661, đã qua sử dụng; 01 (một) cây cân tiểu ly đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 bì thư ký hiệu vụ số 163/2017 ngày 30/3/2017, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hoàng N, người chứng kiến Bùi Thanh S và hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang; 02 (hai) cây kéo bằng kim loại, màu trắng; 01 (một) chai nhựa nắp đỏ có gắn một chiếc nỏ thủy tinh dùng để sử dụng chất ma túy; 01 (một) ống hít nhựa màu đen; 01 (một) bật lửa (quẹt gas); 01 (một) hộp chữ nhật màu trắng; 01 (một) túi màu trắng có hoa văn màu xanh, trên túi có chữ “VNPT” màu xanh.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Đông H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Nhà tạm giữ CA huyện GR;
- Cơ quan CS điều tra;
- Chi cục Thi hành án DS huyện;
- UBND xã;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú